

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2789 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 356/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 7 năm 2026, Tờ trình số 385/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 7 năm 2026, Báo cáo số 1082/BC-SNNMT ngày 11 tháng 8 năm 2026, Công văn số 8341/SNNMT-KSTL ngày 18 tháng 8 năm 2026, Công văn số 8667/SNNMT-KSTL ngày 20 tháng 8 năm 2026 và Báo cáo số 1326/BC-SNNMT ngày 03 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cụ thể:

1. Danh mục các nguồn nước, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục các nguồn nước, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ, ao, đầm, phá (thuộc trường hợp không được san lấp có diện tích mặt nước từ 02 ha trở lên, chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở; cập nhật dữ liệu về hành lang bảo vệ nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa, thủy điện, thủy lợi và các nguồn nước khác theo thẩm quyền; thể hiện phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính; rà soát, tham mưu điều chỉnh Danh mục theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí lập, điều chỉnh Danh mục và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

3. Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chức năng của nguồn nước.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Đăng tải Danh mục trên cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập, điều chỉnh Danh mục, thể hiện phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất; phối hợp cấm mốc giới, tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới và giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Phối hợp với tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện trong việc xây dựng phương án và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa.

5. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi thực hiện trách nhiệm về xác định, cấm mốc, bàn giao và phối hợp quản lý, bảo vệ



mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi và pháp luật có liên quan.

6. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sinh sống, hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải tuân thủ khoản 7 và khoản 8 Điều 23 Luật Tài nguyên nước; việc sử dụng đất trong hành lang bảo vệ nguồn nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và chức năng phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Trường hợp các đoạn sông, suối, kênh, rạch đã được kê bờ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì phạm vi của hành lang bảo vệ nguồn nước được xem xét, quyết định nhỏ hơn phạm vi được phê duyệt tại phần phụ lục này nhưng không nhỏ hơn 5m tính từ mép bờ.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, KTN 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NGUỒN NƯỚC, PHẠM VI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI SÔNG, SUỐI, KÊNH, RÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)



STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiếu 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước	
				Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối					
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải		
		1 XÃ ĐAK LUA									
1	1	Suối Đồng Sắt	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1274987	445965	1274350	446223	5	5	1
2	2	Suối Nam (Phủ Lý)	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1273106	437235	1271725	438829	5	5	1
3	3	Phụ lưu suối Sa Mách	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1260392	445225	1256669	440004	5	5	1
4	4	Sông Đak Lua	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1275847	449903	1273582	459067	15	15	1, 2
5	5	Suối Đa Giữa	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1260380	452651	1258806	457574	5	5	1
6	6	Suối Đập Lúa	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1273608	439567	1273563	459067	5	5	1
7	7	Suối Ràng	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1265016	442346	1264813	442282	5	5	1
8	8	Suối Sa Mách	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1264138	442955	1253537	437512	5	5	1
9	9	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Dak Lua	1277756	453128	1259747	458316	(*)	15	1, 2
2 XÃ NAM CÁT TIỀN											
10	1	Suối Đa-1	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1256397	467962	1263027	467613	5	5	1
11	2	Suối Đa-2	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1256426	470562	1255175	471212	5	5	1
12	3	Suối Kỳ	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1256509	465548	1259851	464003	5	5	1
13	4	Suối Phú Sơn 2	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1256370	475279	1257425	475193	5	5	1
14	5	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1263414	464928	1261178	462943	30	(*)	1, 2, 3
15	6	Sông Đa Quay (Đa Quay)	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1264684	469781	464988	464988	15	(*)	1, 2
16	7	Suối Đa Gù (Đa Gù)	TP Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	1260212	472176	1246679	469800	5	(*)	1
3 XÃ TÀ LÀI											
17	1	Suối Ấp 3 Phú Thịnh	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1251651	459405	1253277	457904	5	5	1
18	2	Suối Đa Giữa	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1258595	454584	1258822	457569	5	5	1
19	3	Suối Đa (Suối Kỳ)	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1259849	464005	1256304	465662	5	5	1
20	4	Suối Lục Bình	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1255500	461342	1252994	457418	5	5	1
21	5	Suối Núi Tượng- Tà Lài	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1260477	460400	1260472	459225	5	5	1
22	6	Suối Thủy Nhập Sơn	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1250995	458134	1250167	454987	5	5	1
23	7	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	1261154	462864	1250237	544920	30	30	1, 2, 3
4 XÃ PHỦ LÝ											
24	1	Sông Mã Đà	TP Đồng Nai	Xã Phủ Lý	1272021	432274	1258383	424478	30	30	1, 2, 3
25	2	Suối Bà Năng	TP Đồng Nai	Xã Phủ Lý	1280776	427562	1267353	426824	5	5	1, 2, 3
26	3	Suối Boong - 1	TP Đồng Nai	Xã Phủ Lý	1254638	431458	1252223	433809	5	5	1
27	4	Suối Boong - 2	TP Đồng Nai	Xã Phủ Lý	1251322	433190	1248058	436059	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiếu 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Tọa độ điểm cuối				Bờ trái	Bờ phải	
				X	Y	X	Y			
28	Suối Kóp	TP Đồng Nai	Phường/xã	1256215	434792	1249528	435658	5	5	1
29	Suối Ràng	TP Đồng Nai	Xã Phú Lý	1264811	442281	1249700	434810	5	5	1
30	Suối Sa Mách	TP Đồng Nai	Xã Phú Lý	1253534	437496	1247013	436681	5	5	1
5	XÃ THANH SON									
31	Phụ lưu suối Sa Mách	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1257058	442354	1257247	441961	5	5	1
32	Suối Basiu (Suối Ba Đài)	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1253581	455384	1251463	455212	5	5	1
33	Suối Cây Mai	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1250478	445604	1245757	445543	5	5	1
34	Suối Đá (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1252513	451323	1245050	446145	5	5	1
35	Suối Đục (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1250681	443827	1246470	438906	5	5	1
36	Suối Dung	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1250650	439917	1247636	438206	5	5	1
37	Suối Sa Mách	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1253527	437503	1246455	437373	5	5	1
38	Suối Ty	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1254396	443653	1249141	435974	5	5	1
39	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	1252958	456938	1240715	448731	15	15	1, 2
6	XÃ PHÚ LÂM									
40	Suối Cầu Trắng (PL sông La Ngà)	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1251818	472279	1247901	470921	5	5	1
41	Suối Đá-2	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1255170	471210	1254008	471000	5	5	1
42	Suối Đa Tôn	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1244854	470687	1251573	469947	5	5	1
43	Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1244316	475135	1243247	472152	(*)	15	1, 2
44	Suối Phú Sơn - Phú Trung (Cầu Be)	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1255354	474371	1244332	475163	5	(*)	1
45	Suối Phú Sơn 2	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1254397	476656	1256357	475277	5	5	1
46	Suối Đa Guôi (Đa Guy)	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1256271	477258	1556195	476999	5	5	1
47	Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	1250779	469474	1249083	470445	5	5	1
7	PHƯỜNG TÂN PHÚ									
48	Suối Đa Tôn	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	1244836	470833	1240427	468457	10	10	1
49	Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	1243245	472149	1239717	470234	(*)	20	1, 2
50	Suối Thủy Nhập Sơn	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	1245822	458566	1250996	458135	10	10	1
51	Suối Trà Cỏ	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	1245736	467047	1241415	467169	10	10	1
52	Suối Cầu Cha	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	1243861	471996	1243625	469861	10	10	1
8	XÃ PHÚ VINH									
53	Suối 1 - Phú Cường	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1246810	456832	1245360	454232	5	5	1
54	Suối Bộ Đội (Suối 2 - Phú Tân)	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1248450	457206	1242481	451115	5	5	1
55	Suối Đục	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1245279	457849	1244426	453860	5	5	1
56	Suối Soong	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1242911	453433	1240948	455682	5	5	1
57	Suối Soong (Suối Sơn)	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1241492	456721	1243749	453936	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107° 45' múi chiều 3°)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước	
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Bờ trái	Bờ phải		
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y				
58	6	Suối Thuỷ Nhập Sơn	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1250473	457058	1250171	454977	5	5	1
59	7	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Phú Vinh	1250141	454885	1244237	452549	15	15	1, 2
9											
Xã Phú Hòa											
60	1	Suối Ca Bò	TP Đồng Nai	Xã Phú Hòa	1237612	459001	1237206	463887	5	5	1
61	2	Suối Đa Chà	TP Đồng Nai	Xã Phú Hòa	1238314	462043	1237145	464009	5	5	1
62	3	Suối Đa Tôn	TP Đồng Nai	Xã Phú Hòa	1240449	468556	1236229	468079	5	5	1
63	4	Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã Phú Hòa	1239721	470222	1236038	468213	(*)	15	1, 2
64	5	Suối Trà Cỏ	TP Đồng Nai	Xã Phú Hòa	1241406	467181	1239340	467729	5	5	1
10											
Xã Định Quán											
65	1	Phụ lưu La Ngà 1	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1230679	459876	1221975	459468	5	5	1
66	2	Suối 1 - Phú Ngọc	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1228795	452822	1225546	453646	5	5	1
67	3	Suối 2 - Phú Ngọc	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1229106	452227	1227225	498717	5	5	1
68	4	Suối 3 - Phú Ngọc	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1230314	451980	1229707	450057	5	5	1
69	5	Suối Bộ Đồi (Suối 2 - Phú Tân)	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1248450	457206	1242453	451271	5	5	1
70	6	Suối Ca Bò	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1237563	459057	1237131	464013	5	5	1
71	7	Suối Đa Chà	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1237138	464011	1236486	467176	5	5	1
72	8	Suối Đa Cỏ Ta	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1230376	457546	1224523	454473	5	5	1
73	9	Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1236016	468191	1221979	460960	(*)	30	1, 2, 3
74	10	Suối La	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1235901	454862	1233717	449882	5	5	1
75	11	Suối Năng Cỏ	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1236910	452786	1237131	450409	5	5	1
76	12	Suối Soong	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1239469	454707	1242940	453407	5	5	1
77	13	Suối Trà My	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1233935	455435	1227836	453730	5	5	1
78	14	Suối Vắt	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1238512	455407	1238118	449295	5	5	1
79	15	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1244077	452546	1240645	448719	15	15	1, 2
80	16	Suối Xoài	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	1231147	457078	1230035	457611	5	5	1
11											
Xã La Ngà											
81	1	Suối 3 - Túc Trung	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1230928	440835	1228714	437664	5	5	1
82	2	Suối Đồi Trầm	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1233118	442891	1235384	443066	5	5	1
83	3	Suối Dzuì (Suối Dui)	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1230989	442421	1230702	446390	5	5	1
84	4	Suối Môn	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1229257	444634	1229011	446937	5	5	1
85	5	Suối Sơn	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1228288	442158	1226400	446523	5	5	1
86	6	Suối Trần	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1232253	443448	1231760	446138	5	5	1
87	7	Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã La Ngà	1237682	446576	1227368	448265	15	15	1, 2
12											
Xã Thông Nhứt											

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
88	1 Suối Gia Dung	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1213303	438161	1222386	439698	5	5	1
89	2 Suối Lầy	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1216925	435801	1224638	433608	5	5	1
90	3 Suối Sơn	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1227940	442841	1226400	446524	5	5	1
91	4 Suối Tam Bung	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1225965	439811	1222231	440941	5	5	1
92	5 Suối Reo	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1223411	432636	1224603	433580	5	5	1
93	6 Suối Gia Tân 3	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1223896	432001	1225039	432113	5	5	1
94	7 Suối Gia Tân 4	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1223998	432464	1225177	432461	5	5	1
95	8 Suối Gia Tân 5	TP Đồng Nai	Xã Thống Nhất	1223453	435711	1224970	434106	5	5	1
13	Xã Bàu Hàm									
96	1 Sông Thao	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1214445	427103	1212170	425571	5	5	1
97	2 Suối Đá Bàn (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1221791	422709	1221785	422188	5	5	1
98	3 Suối Đá Kè	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1227701	424358	1221017	422867	5	5	1
99	4 Suối Gia Đức	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1212256	430270	1213455	428555	5	5	1
100	5 Suối Gia Nhan	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1213663	430270	1212798	426919	5	5	1
101	6 Suối Mù	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1211271	428928	1212741	426855	5	5	1
102	7 Suối Rết (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1216499	425876	1214941	423807	5	5	1
103	8 Suối Sầu (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1224454	425664	1225438	424780	5	5	1
104	9 Suối Tiên	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1218919	424524	1218531	422895	5	5	1
105	10 Suối Sầu (Phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	1224426	425721	1225463	424782	5	5	1
14	Phường Trị An									
106	1 Sông Mã Đà	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1258302	424533	1250664	411171	30	(*)	1, 2, 3
107	2 Sông Bé	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1242096	408480	1228666	414198	20	(*)	1, 2
108	3 Sông Cầu Tiếp	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1236727	420204	1233363	414916	30	30	1, 2, 3
109	4 Sông Cây Sung	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1236784	425531	1233422	414028	30	30	1, 2, 3
110	5 Suối Bà Giá	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1225325	415976	1224482	142799	10	10	1
111	6 Suối Bà Hào	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1242488	418246	1234734	412823	10	10	1
112	7 Suối Boong - 1	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1252840	430392	1252489	431548	10	10	1
113	8 Suối Boong - 2	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1250588	432376	124857	432857	10	10	1
114	9 Suối Cát	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1226346	415085	1225719	412119	10	10	1
115	10 Suối Đá Bàn (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1221780	422167	1223653	418288	10	10	1
116	11 Suối Hiếu Liêm 1	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1228324	418640	1227247	416968	10	10	1
117	12 Suối Hiếu Liêm 2	TP Đồng Nai	Phường Trị An	122930	420661	1227862	420313	10	10	1
118	13 Suối Sầu (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1224521	423733	1225717	422103	10	10	1
119	14 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1228098	415354	1224458	412714	30	(*)	1, 2, 3
120	15 Suối Bà Giá	TP Đồng Nai	Phường Trị An	1225332	415980	1224479	412773	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107° 45' múi chiều 3°)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
15 PHƯỜNG HỒ NAI										
121	1 Suối 3 - Bắc Sơn	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1211517	411443	1209307	411609	10	10	1
122	2 Suối 4 - Hồ Nai 3	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1208938	411558	1208551	411430	10	10	1
123	3 Suối Cầu Cháy	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1211709	410696	1208307	411596	10	10	1
124	4 Suối Đá (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1215583	411408	1216095	411482	10	10	1
125	5 Suối Lớn	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1214203	409255	1216468	409660	10	10	1
126	6 Suối Sân Máu	TP Đồng Nai	Phường Hồ Nai	1213373	407866	1213374	407148	10	10	1
16 XÃ TÂN AN										
127	1 Phụ Lưu Sông Mây	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1220902	415154	1218706	414162	5	5	1
128	2 Sông Thao	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1217092	418935	1218908	407812	5	5	1
129	3 Suối Bà Giã	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1225325	415978	1224463	412790	5	5	1
130	4 Suối Cạn (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1221215	416728	1217915	415252	5	5	1
131	5 Suối Đá (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1216190	412915	1218060	409831	5	5	1
132	6 Suối Đá Bàn (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1223676	418291	1226013	417870	5	5	1
133	7 Suối Đá Kê	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1220905	422708	1221307	419104	5	5	1
134	8 Suối Tân An	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1222421	414814	1222764	411625	5	5	1
135	9 Suối Tiên	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1217089	418937	1217231	417196	5	5	1
136	10 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1224371	412684	1218990	407826	15	(*)	1, 2
137	11 Suối Sâu	TP Đồng Nai	Xã Tân An	1221533	418664	1223451	418166	5	5	1
17 XÃ BÌNH MINH										
138	1 Sông Thao	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1217244	417150	1217716	414747	5	5	1
139	2 Suối 2 - Bắc Sơn	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1212287	412262	1213540	414318	5	5	1
140	3 Suối 3 - Bắc Sơn	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1211530	411543	1209313	411606	5	5	1
141	4 Suối 4 - Bắc Sơn	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1219916	413304	1209176	412515	5	5	1
142	5 Suối 4 - Hồ Nai 3	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1210670	411812	1209505	411814	5	5	1
143	6 Suối Địa	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1210361	413798	1212985	415662	5	5	1
144	7 Suối Tiên	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1217062	418921	1217716	414754	5	5	1
145	8 Suối Dục	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1215418	416912	1217363	416736	5	5	1
146	9 Sông Lạnh	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	1217319	416818	1217711	414736	5	5	1
18 PHƯỜNG TRĂNG DÀI										
147	1 Sông Thao	TP Đồng Nai	Phường Trăng Dài	1218063	409828	1218590	408788	10	10	1
148	2 Suối Bà Ba	TP Đồng Nai	Phường Trăng Dài	1216872	401644	1218726	403788	10	10	1
149	3 Suối Đá (phụ lưu Sông Thao)	TP Đồng Nai	Phường Trăng Dài	1216402	410162	1217532	410048	10	10	1
150	4 Suối Lớn	TP Đồng Nai	Phường Trăng Dài	1216468	409660	1218347	408973	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' mũi chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm cuối						
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
151	5 Suối Săn Máu	TP Đồng Nai	Phường Trảng Dài	1213376	407141	1213482	401773	10	10	1
152	6 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Trảng Dài	1218980	407715	1220478	401079	20	(*)	1, 2
153	7 Suối Thiên Tân 1	TP Đồng Nai	Phường Trảng Dài	1218843	405569	1219522	406298	10	10	1
154	8 Suối Chân Chùa	TP Đồng Nai	Phường Trảng Dài	1216409	411908	1217396	410453	10	10	1
155	9 Suối Thành Phú 1	TP Đồng Nai	Phường Trảng Dài	1219973	401315	1220442	401046	10	10	1
19 PHƯỜNG TÂN TRIỀU										
156	1 Kênh Tổng Phổ	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1215809	398503	1219735	397390	10	10	1
157	2 Rạch Mọi	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1216106	397635	1213851	395734	10	10	1
158	3 Suối Bà Ba	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1216871	401642	1217344	402963	10	10	1
159	4 Suối Săn Máu	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1213461	401758	1212627	400532	10	10	1
160	5 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1220569	400958	1213786	395636	20	(*)	1, 2
161	6 Rạch Bến Cá	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1218586	394643	1216059	394627	10	10	1
162	7 Suối Mương Ó	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1217940	401388	1219195	398139	10	10	1
163	8 Rạch Bà Bướm	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1222641	397097	1221974	396945	10	10	1
164	9 Rạch Long Chiến	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1223009	398607	1223182	399237	10	10	1
165	10 Rạch Cầu Ốc	TP Đồng Nai	Phường Tân Triều	1219362	398063	1220110	397593	10	10	1
20 PHƯỜNG TAM HIỆP										
166	1 Suối Linh	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1210211	403440	1210022	401780	10	10	1
167	2 Suối Săn Máu	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1212500	404208	1213370	403499	10	10	1
168	3 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1210908	400938	1210027	407705	20	20	1, 2
169	4 Sông Cái	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1211015	400924	1210037	401768	10	10	1
170	5 Suối Tân Mai	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1212037	402906	1210980	401180	10	10	1
171	6 Suối Bà Bọt	TP Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1211292	401920	1210862	401449	10	10	1
21 PHƯỜNG TRẦN BIÊN										
172	1 Suối Bà Lúa	TP Đồng Nai	Phường Trần Biên	1207825	404985	1206265	403333	10	10	1
173	2 Suối Linh	TP Đồng Nai	Phường Trần Biên	1210211	403440	12100191	407774	10	10	1
174	3 Suối Săn Máu	TP Đồng Nai	Phường Trần Biên	1211961	400292	1211012	400904	10	10	1
175	4 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Trần Biên	1213675	395698	1205842	400250	20	(*)	1, 2
176	5 Sông Cái	TP Đồng Nai	Phường Trần Biên	1209353	398643	1211015	400924	10	10	1
22 PHƯỜNG BIÊN HÒA										
177	1 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1212551	394020	1205976	400108	20	20	1, 2
178	2 Rạch Ông Dầu	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1207206	399547	1206307	399375	10	10	1
179	3 Sông Ngọc (Suối Siệp)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1208079	395547	1205949	398377	10	(*)	1
180	4 Suối Rạch Sỏi	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1209186	394216	1210852	395412	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước		
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối					
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái		Bờ phải	
181	5	Rạch Ông Tiếp	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1211272	393442	1212591	393876	(*)	10	1
182	6	Rạch Lái Bông	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	1209906	393446	1211282	394548	10	10	1
23 PHƯỜNG LONG BÌNH											
183	1	Suối Bà Lúa	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1208379	405888	1207821	404990	10	10	1
184	2	Suối Cầu Cháy	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1211516	410486	1209104	410403	10	10	1
185	3	Suối Cầu Quan	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1210877	409431	1206236	408233	10	10	1
186	4	Suối Chùa	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1212113	409341	1207822	404991	10	10	1
187	5	Suối Linh	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1212029	406130	1210211	403457	10	10	1
188	6	Suối Sân Máu	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1213377	407131	1213471	403409	10	10	1
189	7	Suối Cài (phụ lưu sông Bến Cài)	TP Đồng Nai	Phường Long Bình	1206219	405977	1205463	405912	10	10	1
24 PHƯỜNG LONG HƯNG											
190	1	Sông Bến Gỗ	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1201992	404092	1203481	401766	10	10	1
191	2	Sông Buông	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1201963	404120	1197932	403855	10	10	1
192	3	Suối Bà Lúa	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1207819	404988	1203882	401634	10	10	1
193	4	Suối Cầu Quan	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1205091	405970	1203721	402779	10	10	1
194	5	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1205683	400322	1197811	403524	20	(*)	1,2
195	6	Suối Cầu Ván	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1204892	403437	1203864	403144	10	10	1
196	7	Suối An Hòa 1	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1203310	405082	1202789	405070	10	10	1
197	8	Sông Trông	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1198638	403883	1197940	403767	10	10	1
198	9	Suối Cài (phụ lưu sông Bến Cài)	TP Đồng Nai	Phường Long Hưng	1205463	405912	1205212	405668	10	10	1
25 PHƯỜNG PHƯỚC TÂN											
199	1	Phụ Lưu Sông Buông	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1204280	410229	1204385	410001	10	10	1
200	2	Rạch Ông Trung (suối Đôn) - Ngã Ba Nước Lạnh	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1202562	408598	1199316	405647	10	10	1
201	3	Sông Buông	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1207095	414728	1200787	404624	10	10	1
202	4	Suối 4 - Bắc Sơn	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1209156	412517	1207106	411851	10	10	1
203	5	Suối 4 - Hồ Nai 3	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1209492	411814	1208311	411601	10	10	1
204	6	Suối Cầu Cháy	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1209089	410407	1208311	411597	10	10	1
205	7	Suối Cầu Quan	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1206227	408232	1205093	405987	10	10	1
206	8	Suối Long Thành	TP Đồng Nai	Phường Phước Tân	1208306	411603	1205888	407750	10	10	1
26 PHƯỜNG TAM PHƯỚC											
207	1	Phụ Lưu Sông Buông	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1202754	411048	1204281	410232	10	10	1
208	2	Rạch Ông Trung (suối Đôn) - Ngã Ba Nước Lạnh	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1202508	409824	1198117	405116	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiếu 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Tọa độ điểm cuối						
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
209	3 Sông Buông	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1200650	404638	1197832	403930	10	10	1
210	4 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1197822	403869	1197346	404239	20	(*)	1, 2
211	5 Sông Giữa	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1199390	405565	1200699	404677	10	10	1
212	6 Suối Nước Trong	TP Đồng Nai	Phường Tam Phước	1201068	410717	1200464	410560	10	10	1
27	XÃ ĐẠI PHƯỚC									
213	1 Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1189971	398877	1181062	393681	(*)	10	1
214	2 Rạch Cá	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1183612	393689	1186887	392445	5	5	1
215	3 Rạch Ông Kèo	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1187998	398336	1177027	402705	5	5	1
216	4 Rạch Ông Mai	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1184045	397232	1182394	392712	5	5	1
217	5 Sông Cái	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1189715	399105	1190152	397591	10	10	1
218	6 Sông Cầu Tàu	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1182961	393736	1186295	397817	10	10	1
219	7 Sông Phước Lý	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1186613	397832	1189005	394818	10	10	1
220	8 Sông Đồng Tranh	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1176877	402792	1175776	400086	10	(*)	1
221	9 Sông Lòng Tàu	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1180544	393741	1175392	399748	10	(*)	1
222	10 Sông Rạch Miễu	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1184131	393058	1183191	391712	5	5	1
223	11 Sông Ông Thước	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1181906	393820	1183494	396490	5	5	1
224	12 Sông Cà Ta	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1184726	395494	1183540	394649	5	5	1
225	13 Rạch Cầu Ván	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1186038	394120	1186823	394380	5	5	1
226	14 Rạch Bà Hai	TP Đồng Nai	Xã Đại Phước	1188050	396468	1188041	394455	5	5	1
28	XÃ XUÂN ĐỊNH									
227	1 Phụ lưu Hồ Suối Vọng 2	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1198880	449804	1200503	453412	5	5	1
228	2 Suối 3 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1204578	449945	1206006	453253	5	5	1
229	3 Suối 4 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1203663	450293	1206107	453527	5	5	1
230	4 Suối 6 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1203550	452004	1203603	453316	5	5	1
231	5 Suối Cầu 1	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1203955	446258	1206125	449277	5	5	1
232	6 Suối Cầu Hai	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1200448	446653	1203662	449477	5	5	1
233	7 Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1200172	453673	1199850	454627	5	5	1
234	8 Suối Đục (phụ lưu sông Ray 2)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1201505	449978	1201387	454417	5	5	1
235	9 Suối Gia Liều	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1207435	446266	1206451	450475	5	5	1
236	10 Suối Gia Tráp	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1203475	443831	1207321	446019	5	5	1
237	11 Suối Nước Trong (phụ lưu sông Ray)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	1201442	452408	1202149	453913	5	5	1
29	XÃ CẨM MỸ									
238	1 Phụ lưu Hồ Suối Vọng	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1200147	443858	1199469	447722	5	5	1
239	2 Suối Cà	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1195122	442225	1191289	438928	5	5	1
240	3 Suối Cầu Hai	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1200598	446836	1200639	446689	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107° 45' múi chiều 3°)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
241	4 Suối Cầu Tư	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1195820	446392	1197076	451345	5	5	1
242	5 Suối La Hoa	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1198824	451982	1198810	452941	5	5	1
243	6 Suối Lức	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1194899	450031	1194672	453002	5	5	1
244	7 Suối Nhất	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1193913	448343	1192965	450603	5	5	1
245	8 Suối Nức	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1197400	450664	1196228	452575	5	5	1
246	9 Suối Râm	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1196956	444691	1193972	441462	5	5	1
247	10 Suối Sầu	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1195066	445769	1190956	450060	5	5	1
248	11 Suối Sầu (phụ lưu sông Bùông)	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1197729	443477	1198266	439404	5	5	1
249	12 Suối Sầu 1, Suối Sóc	TP Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	1195210	445252	1189849	440452	5	5	1
30 XÃ XUÂN THÀNH										
250	1 Suối 4 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1212895	458125	12124149	456603	5	5	1
251	2 Suối 6 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1213233	460187	1214636	460255	5	5	1
252	3 Suối 7 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1212787	461622	1213625	461559	5	5	1
253	4 Suối 8 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1213238	461847	1214628	460279	5	5	1
254	5 Suối 9 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1214738	467892	1214870	468063	5	5	1
255	6 Suối Ba (phụ lưu sông La Ngà)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1213754	471938	1217309	470213	5	5	1
256	7 Suối Cao	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1214690	463075	1221472	461921	5	5	1
257	8 Suối Cầu Bàn	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1213321	470442	1217472	469238	5	5	1
258	9 Suối Cầu số 10	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1214557	464668	1220193	464640	5	5	1
259	10 Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1221973	460993	1222704	455824	15	15	1,2
260	11 Suối Gia Lào	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1213357	458877	1215863	455560	5	5	1
261	12 Suối Gõ	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1217322	459382	1221537	459212	5	5	1
262	13 Suối Khi	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1212628	470185	1218392	467872	5	5	1
263	14 Suối Mè	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1214635	460267	1222694	455809	5	5	1
264	15 Sông Gia Huỳnh	TP Đồng Nai	Xã Xuân Thành	1214728	467302	1211942	460996	5	5	1
31 XÃ XUÂN ĐUÔNG										
265	1 Suối Cả	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1193668	428199	1190671	427312	5	5	1
266	2 Suối Cầu Mên	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1194868	428559	1195179	427849	5	5	1
267	3 Suối Đục (phụ lưu sông Bùông)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1196981	440192	1194861	428554	5	5	1
268	4 Suối Ông Trù	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1194375	427573	1194875	421920	5	5	1
269	5 Suối Quýt	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1190223	432262	1190708	427283	5	5	1
270	6 Suối Quýt-1	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1193341	430202	1191071	427756	5	5	1
271	7 Suối Quýt 2	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1195955	440460	1191122	431571	5	5	1
272	8 Suối Trầu	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1193417	427348	1192611	426501	5	5	1
273	9 Suối Ngăn	TP Đồng Nai	Xã Xuân Duông	1197040	440424	1195089	434227	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107° 45' múi chiều 3 ^b)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
32	XÃ SÔNG RAY									
274	Phụ lưu Suối Thề-2	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1187579	452958	1187431	456211	5	5	1
275	Phụ lưu Suối Thề-3	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1187574	451823	1189072	456026	5	5	1
276	Sông Gia Hoét	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1181799	450537	1180005	452963	5	5	1
277	Sông Ray	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1189951	460724	1186526	457406	5	5	1
278	Sông Tầm Bò	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1179969	452928	1180784	454027	5	5	1
279	Suối Cạn (phụ lưu sông Ray)	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1183586	450659	1180828	454041	5	5	1
280	Suối Cây Đa	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1186124	451714	1184106	455213	5	5	1
281	Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1187272	451570	1185817	456190	5	5	1
282	Suối Đục (phụ lưu sông Ray 1)	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1185230	452231	1183656	454457	5	5	1
283	Suối Rang	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1181156	451764	1189708	454670	5	5	1
284	Suối Sao	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1184850	451174	1183115	454145	5	5	1
285	Suối Thề	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1188364	450786	1186119	457048	5	5	1
286	Suối La Hoa	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	1190244	458015	1187806	459117	5	5	1
33	XÃ AN PHƯỚC									
287	Rạch Bà Chèo	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1194228	409460	1196071	405182	5	5	1
288	Suối Nước Trong (phụ lưu sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1200464	410560	1192228	404300	5	5	1
289	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1197333	404286	1192271	404184	15	(*)	1, 2
290	Sông Tắc Gò Đa	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1191657	408384	1192246	406598	5	5	1
291	Sông Ông Sắt	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1194024	406984	1195032	405208	5	5	1
292	Sông Ông Đầu	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1193397	407099	1194955	405367	5	5	1
293	Rạch Lá (rạch Lá)	TP Đồng Nai	Xã An Phước	1193448	404429	1192739	404343	5	5	1
34	XÃ LONG PHƯỚC									
294	Rạch Suối Tre	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1188117	416802	1186045	414115	5	5	1
295	Suối Bán Cù	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1188527	427894	1185021	425803	5	5	1
296	Suối Cà	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1189418	431555	1184471	415345	5	5	1
297	Suối Đá (phụ lưu sông Thị Vải)	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1186945	431134	1185379	428472	5	5	1
298	Suối Lấp	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1186742	413938	1184468	415281	5	5	1
299	Suối Long Phú	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1185082	420496	1179791	418052	5	5	1
300	Sông Thị Vải	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1184461	415332	1180170	417496	10	10	1
301	Suối Le	TP Đồng Nai	Xã Long Phước	1185585	433046	1182653	428186	5	5	1
35	XÃ PHƯỚC AN									
302	Rạch Lá	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1177775	403778	1177371	410315	5	5	1

STT		Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
					Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Bờ trái	Bờ phải	
			TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y			
303	2	Rạch Ông Kèo	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1183343	397656	1176880	402775	5	5	1
304	3	Rạch Suối Tre	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1188133	416735	1186026	414124	5	5	1
305	4	Sông Ba Giỏi	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1172648	410084	1170095	415762	5	5	1
306	5	Sông Bà Hào	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1177168	411539	1172773	415683	5	5	1
307	6	Suối Lấp	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1186884	413774	1184441	415268	5	5	1
308	7	Sông Thị Vải	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1184434	415248	1173681	418591	(*)	10	1
309	8	Sông Đồng Tranh	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1176994	402845	1172446	410593	10	(*)	1
310	9	Sông Gò Gia	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1172739	415717	1170123	415977	(*)	5	1
311	10	Sông Tắc Cua	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1172284	410987	1170355	415083	(*)	5	1
312	11	Rạch Dài (cổng Lò Rèn)	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1184629	414833	118460	414659	5	5	1
313	12	Tắc Hồng (Rạch Ông Trúc, Tắc Nhả Phuong)	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1176252	412812	1176230	417505	5	5	1
314	13	Sông Đồng Kho (Tắt Rông)	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1176252	412812	1174360	411767	5	5	1
315	14	Rạch Miếu	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1182949	413372	1179154	405244	5	5	1
316	15	Rạch Vàm	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1181605	413420	1181748	414380	5	5	1
317	16	Rạch Vũng Gấm	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1179279	407427	1177735	404998	5	5	1
318	17	Suối Cua	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1177746	405666	1176576	405851	5	5	1
319	18	Rạch Cái Đoi	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1177312	410240	1174521	411202	5	5	1
320	19	Rạch Ông Trác	TP Đồng Nai	Xã Phước An	1177665	418349	1176804	418734	5	5	1
36											
Xã PHƯỚC THÁI											
321	1	Rạch Ngoài	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1182061	423013	1179241	419339	5	5	1
322	2	Suối Ba (phụ lưu sông Thị Vải)	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1184200	431668	1181100	425233	5	5	1
323	3	Suối Bàn Cù	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1188528	427895	1185018	425790	5	5	1
324	4	Suối Cầu Vạc	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1181100	425233	1180352	420192	5	5	1
325	5	Suối Đá (phụ lưu sông Thị Vải)	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1185373	428472	1182288	426551	5	5	1
326	6	Suối Đá Vàng	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1182869	432280	1179051	425985	5	5	1
327	7	Suối Le	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1185533	433011	1182706	428183	5	5	1
328	8	Suối Long Phú	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1185916	433166	1179804	418042	5	5	1
329	9	Sông Bến Ngự	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1181312	419114	1179806	418036	5	5	1
330	10	Sông Quán Chim	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1180166	420476	1179232	419372	5	5	1
331	11	Sông Tắt Cá Thâu	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1179690	420184	1179771	419551	5	5	1
332	12	Sông Thị Vải	TP Đồng Nai	Xã Phước Thái	1180215	417582	1177241	419332	10	10	1
37											
PHƯỜNG LONG THÀNH											
333	1	Rạch Suối Tre	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1189016	417511	1186031	414123	10	10	1
334	2	Sông Đồng Môn	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1192587	413049	1190356	413340	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm cuối						
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
335	Suối Bung Môn	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1194879	421921	1189036	413297	10	10	1
336	Suối Cà	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1190692	427255	1188112	420878	10	10	1
337	Suối Cầu Mên	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1195183	427842	1196611	425652	10	10	1
338	Suối Cây Khế	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1198008	419931	1192591	413051	10	10	1
339	Suối Lấp	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1190115	412698	1186767	413934	10	10	1
340	Suối Ông Trữ	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1194376	427573	1194880	421921	10	10	1
341	Suối Phên	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1193998	412543	1192591	413051	10	10	1
342	Suối Trầu	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1192614	426487	1187303	419587	10	10	1
343	Sông Đồng Hữu	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1190257	414699	1189030	413305	10	10	1
344	Rạch Quán Thủ (Suối Quán Thủ)	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	1192415	415188	1192226	412903	10	10	1
38 PHƯỜNG TRĂNG BOM										
345	Sông Buồng	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1206288	417337	1206707	414481	10	10	1
346	Sông Thao	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1213204	422418	1216392	417776	10	10	1
347	Suối Ba Xi	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1216854	422778	1217341	419709	10	10	1
348	Suối Đá Kè	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1221008	422861	1219858	420824	10	10	1
349	Suối Dĩa	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1210359	413796	1211894	416097	10	10	1
350	Suối Quảng Phát	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1211193	419808	1213511	417258	10	10	1
351	Suối Rét (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1216871	425461	1214560	421997	10	10	1
352	Suối Tiên	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1218923	424525	1217534	418043	10	10	1
353	Suối Rét	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	216082	425470	1214557	421997	10	10	1
354	Suối Quảng Tiến	TP Đồng Nai	Phường Trảng Bom	1211062	416919	1211844	416202	10	10	1
39 XÃ AN VIÊN										
355	Sông Buồng	TP Đồng Nai	Xã An Viên	1203640	421641	1197772	403815	5	5	1
356	Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Xã An Viên	1201782	422678	1203642	421652	5	5	1
357	Suối Thác	TP Đồng Nai	Xã An Viên	1205523	426724	1203644	421648	5	5	1
358	Suối Tre (phụ lưu sông Buồng)	TP Đồng Nai	Xã An Viên	1207172	422045	1207239	417173	5	5	1
40 PHƯỜNG NHON TRẠCH										
359	Sông Cái	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1190032	399075	1186402	399187	10	10	1
360	Sông Đồng Môn	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1191305	411435	1190891	404430	10	10	1
361	Suối Lấp	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1190054	412724	1186898	413755	10	10	1
362	Suối Nước Trong (PL sông Đồng Nai)	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1192587	406170	1192247	404334	10	10	1
363	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1192141	404304	1190055	399179	10	(*)	1
364	Sông Vàm Môn	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1189783	408673	1189549	406493	10	10	1
365	Sông Vàm Kinh	TP Đồng Nai	Phường Nhơn Trạch	1190563	407733	1190071	406735	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiếu 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Bờ trái	Bờ phải	
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y			
41 XÃ XUÂN ĐÔNG										
366	1 Sông Ray	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1199537	463641	1189979	460750	5	5	1
367	2 Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1200020	454190	1195428	462163	5	5	1
368	3 Suối La Hoa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1198811	452953	1194651	457697	5	5	1
369	4 Suối Lức	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1194867	450696	1190201	460853	5	5	1
370	5 Suối Nhát	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1192481	449661	1196210	458121	5	5	1
371	6 Suối Nức	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1196216	452589	1193659	455002	5	5	1
372	7 Suối Rang	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1191156	451293	1190276	453974	5	5	1
373	8 Suối Sách	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1196052	456508	1192621	461584	5	5	1
374	9 Suối Sầu	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	1195066	445769	1190973	450097	5	5	1
42 XÃ XUÂN PHÚ										
375	1 Sông Ray	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1202887	458887	1199609	463416	5	5	1
376	2 Suối 3 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1204595	450712	1205989	453344	5	5	1
377	3 Suối 4 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1203868	450882	1206178	453557	5	5	1
378	4 Suối 6 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1203612	453104	1203592	454313	5	5	1
379	5 Suối 7 - Bảo Hòa	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1202869	453735	1203454	455138	5	5	1
380	6 Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1199809	454606	1199870	457100	5	5	1
381	7 Suối Đục (phụ lưu sông Ray 2)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1201081	454269	1202822	458010	5	5	1
382	8 Suối Gia Liêu	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1206469	450622	1206247	456213	5	5	1
383	9 Suối Gia Tô	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1209087	454249	1202931	458824	5	5	1
384	10 Suối Nước Đục	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1201427	456755	1202297	459599	5	5	1
385	11 Suối Nước Trong (phụ lưu sông Ray)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1202150	453936	1203908	456801	5	5	1
386	12 Suối Cầu 2	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	1203611	453145	1206298	455017	5	5	1
43 PHƯỜNG XUÂN LỘC										
387	1 Sông Ray	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1200223	463286	1190578	461407	10	10	1
388	2 Suối 1 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1208627	465641	1208925	467157	10	10	1
389	3 Suối 2 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1209710	465146	1209389	467465	10	10	1
390	4 Suối 3 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1210496	471275	1209545	468907	10	10	1
391	5 Suối 4 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1209990	459155	1214156	456603	10	10	1
392	6 Suối 6 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1213336	460181	1214684	460256	10	10	1
393	7 Suối 7 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1212776	461620	1213615	461557	10	10	1
394	8 Suối 8 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1213336	461849	1214629	460269	10	10	1
395	9 Suối 9 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1212309	463989	1214726	467886	10	10	1
396	10 Suối Cam	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1205817	460063	1202939	458904	10	10	1
397	11 Suối Cầu Bàn 2	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1211873	457856	1214174	456477	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm cuối						
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
398	Suối Cầu Suối Cát	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1208175	458347	1205133	456779	10	10	1
399	Suối Gia Lào	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1214184	456474	1216966	454713	10	10	1
400	Suối Gia Măng	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1205645	463083	1202221	460521	10	10	1
401	Suối Gia Tô	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1209075	454255	1202936	458893	10	10	1
402	Suối Gia Uí 3	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1209561	461043	1207943	463446	10	10	1
403	Suối Khi	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1214005	468682	1214682	468082	10	10	1
404	Suối Lò Ô	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1208065	460563	1205482	462308	10	10	1
405	Suối Rét	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1209076	449170	1216961	454700	10	10	1
406	Suối Nhò	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	1216975	448273	1220917	448790	10	10	1
44	XÃ XUÂN HÒA									
407	Sông Ray	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1200219	463286	1190573	461406	5	5	1
408	Suối 1 - Xuân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1212107	473426	1214596	476254	5	5	1
409	Suối 1 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1208627	465641	1208925	467157	5	5	1
410	Suối 2 Xuân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1209133	474110	1207952	478020	5	5	1
411	Suối 3 - Xuân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1206757	475469	1204711	478078	5	5	1
412	Suối 3 - Xuân Trường	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1210496	471275	1209545	468907	5	5	1
413	Suối 5 - Xuân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1204497	475480	1203420	477789	5	5	1
414	Suối 8 - Xuân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1191979	471206	1195911	480530	5	5	1
415	Suối Lạnh (Bà Rùa)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1197861	472520	1196024	479966	5	5	1
416	Suối Cầu Trắng (phụ lưu sông Ray)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1204908	464583	1199622	463519	5	5	1
417	Suối Dục 2	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1209521	472083	1204681	470241	5	5	1
418	Suối Gia Măng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1205645	463083	1204613	462211	5	5	1
419	Suối Gia Uí	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1206994	466389	1198747	480453	5	5	1
420	Suối Lò Ô	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1208065	460563	1205482	462308	5	5	1
421	Suối Rua	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1206443	472372	1201390	478237	5	5	1
422	Suối Trang (suối Tròng)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1200619	468874	1190596	461401	5	5	1
423	Suối Tựợng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1209860	478774	1199413	480206	5	5	1
424	Suối Xoài	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1198290	471926	1194842	466393	5	5	1
425	Sông Gia Huỳnh	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1214118	477058	1214699	476311	5	(*)	1
426	Sông Giềng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1199849	480307	1198714	480748	5	5	1
427	Suối Gia Tráp	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1203468	443833	1207435	446259	5	5	1
428	Suối Cầu Trắng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	1205804	464651	1199593	463502	5	5	1
45	XÃ HƯNG THỊNH									
429	Sông Thao	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1211439	426353	1213209	422489	5	5	1
430	Suối Bà Quỳnh	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1205716	428093	1204530	427409	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	
431	Suối Ba Xoon	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1205450	428660	120323	427225	5	5	1
432	Suối Đá Bàn (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1207474	428408	1207269	422232	5	5	1
433	Suối Dầu	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1208509	427346	1207273	422227	5	5	1
434	Suối Rét (phụ lưu sông Thao)	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1214944	423794	1214365	423114	5	5	1
435	Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1203172	422648	1203367	422622	5	5	1
436	Suối Thác	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1205523	426724	1204880	422634	5	5	1
437	Suối Tre (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	1207271	422227	1207171	422048	5	5	1
46	PHƯỜNG BÌNH LỘC									
438	Suối Ba Cao	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1216526	442383	1219061	443574	10	10	1
439	Suối Ba Gió	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1216054	444470	1220382	443958	10	10	1
440	Suối Đá (phụ lưu sông La Ngà 2)	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1217950	444447	1223064	444386	10	10	1
441	Suối Gia Dung	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1216199	437818	1222391	439713	10	10	1
442	Suối Nhỏ	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1217476	446786	1223276	444308	10	10	1
443	Suối Sân Dốc	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1213443	438580	1217596	442808	10	10	1
444	Suối Tam Bung	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1223192	439356	1226275	446593	10	10	1
445	Suối Tre (phụ lưu sông La Ngà)	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1212569	438452	1220115	446179	10	10	1
446	Suối Vũng Tâm	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1220266	441536	1219477	441976	10	10	1
447	Suối Chồn	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1210822	443086	1212187	445403	10	10	1
448	Suối Dục	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1218590	445712	1220195	446173	10	10	1
449	Suối Ba Đồi	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1212930	438521	1213976	439065	10	10	1
450	Suối Cài	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1209782	442521	1209941	443684	10	10	1
451	Suối Cáp Rang	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	1208720	438221	1212128	439947	10	10	1
47	PHƯỜNG DẦU GIẤY									
452	Suối Bà Quỳnh	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1208102	430281	1205713	428115	10	10	1
453	Suối Ba Xoon	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1206341	429456	1205450	428669	10	10	1
454	Suối Bì	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1201361	428013	1207443	430742	10	10	1
455	Suối Cạn (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1199932	426583	1199840	424564	10	10	1
456	Suối Gia Đức	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1213508	433803	1213650	430288	10	10	1
457	Suối Gia Dung	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1213706	437750	1216145	437892	10	10	1
458	Suối Gia Nhan	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1212740	436693	1213178	429457	10	10	1
459	Suối Mù	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1209588	432699	1211256	428981	10	10	1
460	Suối Sân Dốc	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1213281	438477	1214850	439322	10	10	1
461	Suối Sầu (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1199931	426584	1199881	422393	10	10	1
462	Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1208547	434742	1199883	424390	10	10	1
463	Suối Hai Cỏ	TP Đồng Nai	Phường Dầu Giấy	1212543	437510	1213918	436929	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' vĩ chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước	
				Toạ độ điểm cuối							
				TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y		Bờ trái
48	XÃ BÌNH AN										
464	1	Suối Ba Xoon	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1201538	425249	1200845	424819	5	5	1
465	2	Suối Cầu Mên	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1196625	425632	1199855	423606	5	5	1
466	3	Suối Cây Khế	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1198008	419931	1197512	416858	5	5	1
467	4	Suối Phèn	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1197373	414040	1193488	412858	5	5	1
468	5	Suối Sầu (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1199893	426772	1199868	424367	5	5	1
469	6	Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Xã Bình An	1200791	424738	1203162	422657	5	5	1
49	XÃ GIA KIỂM										
470	1	Suối Cầu Đường	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1218513	439224	1222136	440985	5	5	1
471	2	Suối Dập Thọ	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1218821	438734	1222132	440473	5	5	1
472	3	Suối Gia Dung	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1215649	438059	1222391	439713	5	5	1
473	4	Suối Gia Nhan	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1212740	436693	1213313	430949	5	5	1
474	5	Suối Lầy	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1216922	435809	1222456	431106	5	5	1
475	6	Suối Tam Bung	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1223161	439383	1222227	440949	5	5	1
476	7	Suối Cạn	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1218010	438845	1220873	438875	5	5	1
477	8	Suối Hai Cỏ	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1213918	436929	1216178	437816	5	5	1
478	9	Suối Vũng Tằm	TP Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	1219424	442001	1221542	440777	5	5	1
50	XÃ XUÂN QUẾ										
479	1	Suối Bơ	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1200201	439234	1201143	434841	5	5	1
480	2	Suối Cạn (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1198940	431132	1199888	426839	5	5	1
481	3	Suối Cầu Mên	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1196435	433599	1196611	425657	5	5	1
482	4	Suối Công Lo (Suối Cống lờ)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1201121	437835	1201631	432107	5	5	1
483	5	Suối Đục (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1196792	439816	1194864	428565	5	5	1
484	6	Suối Rậm (Suối Râm)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1200999	435715	1202600	430816	5	5	1
485	7	Suối Sầu (phụ lưu sông Buông)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1198231	441274	1199838	424564	5	5	1
486	8	Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1205143	432934	1201944	429569	5	5	1
487	9	Suối Đá Bàn	TP Đồng Nai	Xã Xuân Quế	1202450	431218	1202612	430814	5	5	1
51	PHƯỜNG HÀNG GÒN										
488	1	Suối Bơ	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1200377	441080	1200249	437701	10	10	1
489	2	Suối Cầu Hai	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1200648	446677	1201234	446391	10	10	1
490	3	Suối Gia Liêu	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1201189	442325	1207472	446277	10	10	1
491	4	Suối Gia Trấp	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1202928	443686	1207472	446177	10	10	1
492	5	Suối Trần Nghi	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1202782	439182	1205551	435327	10	10	1
493	6	Suối Đá Bàn	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	1201451	439627	1201183	437897	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
52 PHƯỜNG LONG KHÁNH										
494	1 Suối Gia Liêu	TP Đồng Nai	Phường Long Khánh	1206530	442771	1206464	450659	10	10	1
495	2 Suối Nho (Suối Cài)	TP Đồng Nai	Phường Long Khánh	1209962	443709	1210071	445266	10	10	1
496	3 Suối Rét	TP Đồng Nai	Phường Long Khánh	1208128	445426	1209059	449134	10	10	1
53 XÃ XUÂN BẮC										
497	1 Suối Đá (phụ lưu sông La Ngà 1)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1216763	450526	1218109	454141	5	5	1
498	2 Suối Đá Hoa (Suối Na Goạ)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1222104	449063	1225209	448049	5	5	1
499	3 Sông La Ngà	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1222727	455797	1226398	448381	15	15	1,2
500	4 Suối Gia Lào	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1215885	455583	1211964	454701	5	5	1
501	5 Suối Mè	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1216757	456915	1222698	455802	5	5	1
502	6 Suối Nho	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1217201	446730	1223262	444310	5	5	1
503	7 Suối Rét	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1215909	453888	1223385	455147	5	5	1
504	8 Suối Tà Rua	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1217923	449429	1224987	449989	5	5	1
505	9 Suối Tầm Bung	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1223277	444315	1226508	447077	5	5	1
506	10 Suối Tầm Rông	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1215702	452279	1217348	452892	5	5	1
507	11 Suối Gia Ray	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1218599	456613	1222703	458000	5	5	1
508	12 Suối Công An (Suối Dục)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	1217199	446727	1219194	446488	5	5	1
54 PHƯỜNG BẢO VINH										
509	1 Suối Nho	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1210065	443876	1217444	446807	10	10	1
510	2 Suối Rét	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1209012	449144	1215904	453571	10	10	1
511	3 Suối Tầm Rông	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1214129	448978	1215872	452469	10	10	1
512	4 Suối Tre (phụ lưu sông La Ngà)	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1212755	443697	1215498	445107	10	10	1
513	5 Suối Đá	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1210016	446591	1212501	445659	10	10	1
514	6 suối Chồn	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1211210	443728	1212202	445418	10	10	1
515	7 Suối Cài	TP Đồng Nai	Phường Bảo Vinh	1210034	443860	1212020	445470	10	10	1
55 PHƯỜNG XUÂN LẬP										
516	1 Suối Trần Nghi	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lập	1205083	439948	1204904	436925	10	10	1
517	2 Suối Sông Nhạn	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lập	1210177	437154	1207826	436379	10	10	1
518	3 Suối Phên	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lập	1205968	438828	1205968	438828	10	10	1
56 XÃ BÙ GIA MẬP										
519	1 Phụ lưu số 4	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1346963	435319	1345101	426795	5	5	1
520	2 Phụ lưu số 5	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1346848	437424	1342612	430963	5	5	1
521	3 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1330277	443265	1326038	434069	15	15	1,2
522	4 Sông Đắk Do	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1355589	441253	1358181	437376	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm cuối				Bờ trái	Bờ phải	
				X	Y	X	Y			
523	Sông Đắk Kông	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1338569	435869	1330775	431240	5	5	1
524	Sông Đắk Me	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1337070	443710	1330887	438787	5	5	1
525	Sông Đắk Ó	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1342050	435761	1337081	433117	5	5	1
526	Sông Đắk R Mế Nhỏ	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1347379	442359	1332896	439548	5	5	1
527	Sông Đắk Soi	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1349866	442044	1347891	428598	5	5	1
528	Sông Đắk Huyết	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	1359763	440826	1344994	426991	15	15	1, 2
57										
XÃ ĐA KIA										
529	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Đa Kia	1313410	413248	1318438	410515	15	15	1, 2
530	2 Sông Đắk Kát	TP Đồng Nai	Xã Đa Kia	1312302	400729	1307667	392315	5	5	1
531	3 Sông Đắk Tel	TP Đồng Nai	Xã Đa Kia	1312729	410148	1318429	410460	5	5	1
532	4 Suối Neng	TP Đồng Nai	Xã Đa Kia	1312217	407792	1318215	404504	5	5	1
58										
XÃ ĐẮK Ớ										
533	1 Phụ lưu số 5 (suối Đắk Xá)	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1342619	430965	1342072	423275	5	5	1
534	2 Phụ lưu số 6 (suối Đắk Khu)	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1340656	425750	1337641	418171	5	5	1
535	3 Phụ lưu số 7	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1339674	429544	1333718	416341	5	5	1
536	4 Phụ lưu số 8 (suối Dây)	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1339348	428528	1333662	416311	5	5	1
537	5 Sông Đắk Huyết	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1344994	426991	1327248	414630	15	(*)	1, 2
538	6 Sông Đắk Ó (suối Đắk Lim)	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1326711	426916	1325345	429660	5	5	1
539	7 Sông Đắk U	TP Đồng Nai	Xã Đắk Ó	1339610	431190	1327268	414373	5	5	1
59										
XÃ PHÚ NGHĨA										
540	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1313416	413252	1324435	406769	15	15	1, 2
541	2 Sông Đắk Huyết	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1327371	414407	1324435	406769	15	15	1, 2
542	3 Sông Đắk Lim	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1327173	424973	1313075	416523	5	5	1
543	4 Sông Đắk Ó	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1325303	429622	1323652	430855	5	5	1
544	5 Sông Đắk U	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1327658	421658	1327372	414406	5	5	1
545	6 Sông Tà Niên	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1318357	420074	1312697	419100	5	5	1
546	7 Suối Đắk Son	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	1317690	424825	1313117	419772	5	5	1
60										
PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH										
547	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1311854	416587	1313407	413252	20	20	1, 2
548	2 Sông Đắk Tang	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1305028	412745	1303767	412250	10	10	1
549	3 Sông Đắk Tel	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1309081	411493	1313139	409119	10	10	1
550	4 Suối Dung	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1309119	416937	1311845	416554	10	10	1
551	5 Sông Đắk Kát	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1308491	411346	1310396	405944	10	10	1
552	6 Suối Dời	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	1308361	407595	1307693	403103	10	10	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiều 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu						
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
61 XÃ HƯNG PHƯỚC										
553	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Hưng Phước	1327386	414387	1325878	403575	15	15	1, 2
554	2 Sông Đắc Huýt	TP Đồng Nai	Xã Hưng Phước	1337675	417405	1327386	414387	15	15	1, 2
555	3 Sông Đắc Jer Man	TP Đồng Nai	Xã Hưng Phước	1336422	414392	1331513	392282	15	(*)	1, 2
62 XÃ TÂN TIẾN										
556	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Tân Tiến	1316742	394132	1313946	390622	15	15	1, 2
557	2 Suối Ber Ka Ne	TP Đồng Nai	Xã Tân Tiến	1319765	390600	1317320	389691	5	5	1
558	3 Sông Đắc Jer Man	TP Đồng Nai	Xã Tân Tiến	1323458	377788	1325234	389143	30	(*)	1, 2, 4
63 XÃ THIÊN HƯNG										
559	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Thiên Hưng	1323759,3	401071,9	1316742	394131	15	15	1, 2
560	2 Sông Đắc Jer Man	TP Đồng Nai	Xã Thiên Hưng	1331513	392282	1325544	388806	15	(*)	1, 2
64 PHƯỜNG PHƯỚC LONG										
561	1 Kênh tiêu Long Giang	TP Đồng Nai	Phường Phước Long	1310028	417372	1310069	417083	10	10	1
562	2 Sông Bé	TP Đồng Nai	Phường Phước Long	1307143	420557	1311854	416587	20	20	1, 2
563	3 Suối Dung	TP Đồng Nai	Phường Phước Long	1308509	419250	1309119	416937	10	10	1
65 XÃ BÌNH TÂN										
564	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1307656	392333	1298848	392395	15	15	1, 2
565	2 Sông Đắc Kát	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1310396	405944	1307655	392320	5	5	1
566	3 Sông Đắc Tang	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1304538	411990	1297262	407503	5	5	1
567	4 Suối Dời	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1303070	401954	1303133	399181	5	5	1
568	5 Suối Rạm	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1309079	405855	1305176	396653	5	5	1
569	6 Suối Rang	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	1305198	410712	1303119	407259	5	5	1
66 XÃ LONG HÀ										
570	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	1298840	392390	1289652	393983	15	15	1, 2
571	2 Suối Dời	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	1303133	399181	1298840	392390	5	5	1
572	3 Suối Rang	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	1291757	399272	1289687	393971	5	5	1
573	4 Suối Rặt	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	1291386	405553	1283551	393703	5	5	1
67 XÃ PHÚ RIÊNG										
574	1 Sông Đắc Mun	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1292490	417924	1295191	409548	5	5	1
575	2 Sông Đắc Tang	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1297929	409198	1294990	408915	5	5	1
576	3 Suối Dên	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1289327	412296	1291217	412528	5	5	1
577	4 Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1289145	412123	1288004	410642	5	5	1
578	5 Suối Rang (suối Dâm)	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1300343	401762	1296223	401737	5	5	1
579	6 Suối Rặt	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	1289676	405186	1288721	403707	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
								Bờ trái	Bờ phải	
68	XÃ PHÚ TRUNG	TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y			
580	1 Sông Đắc Mùn	TP Đồng Nai	Xã Phú Trung	1288811	422910	1292490	417924	5	5	1
581	2 Suối Bàng	TP Đồng Nai	Xã Phú Trung	1287411	419772	1288053	416533	5	5	1
582	3 Suối Rạt	TP Đồng Nai	Xã Phú Trung	1297891	421991	1295554	416400	5	5	1
69	PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1275181	405920	1272567	409342	10	10	1
584	2 Suối Dinh (Song Rinh)	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1271354	403625	1272474	402079	20	20	1,2
585	3 Suối Đá	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1272485	403388	1272474	402079	10	10	1
586	4 Suối Đồng Tiền	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1275289	407087	1274565	406751	10	10	1
587	5 Suối Mơ	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1278879	406757	1278003	406203	10	10	1
588	6 Suối Nước Trong	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1269618	400822	1264152	394404	10	10	1
589	7 Suối Rạt (Rạch Rạt)	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1279690	409946	1268371	407150	10	10	1
590	8 Suối Tầm Vồng	TP Đồng Nai	P. Bình Phước	1273814	405013	1273797	406842	10	10	1
70	PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI	TP Đồng Nai	P. Đồng Xoài	1277978	393843	1269737	392819	20	20	1, 2
592	2 Suối Can	TP Đồng Nai	P. Đồng Xoài	1274074	393899	1273217	393167	20	20	1, 2
593	3 Suối Cam	TP Đồng Nai	P. Đồng Xoài	1275686	404004	1273074	393015	20	20	1, 2
594	4 Suối Dinh (Song Rinh, suối Rìn)	TP Đồng Nai	P. Đồng Xoài	1272474	402079	1269737	392819	(*)	20	1, 2
71	XÃ BOM BO	TP Đồng Nai	Xã Bom Bo	1320444	430751	1309819	426732	15	15	1, 2
596	2 Sông Đắc Liar (suối Đá)	TP Đồng Nai	Xã Bom Bo	1321247	439190	1315494	438903	5	5	1
597	3 Sông Đắc Móc	TP Đồng Nai	Xã Bom Bo	1319471	433989	1310062	426800	5	5	1
598	4 Sông Đắc Nhao	TP Đồng Nai	Xã Bom Bo	1318657	442468	1311236	430435	15	15	1, 2
599	5 Sông Đắc R' Láp	TP Đồng Nai	Xã Bom Bo	1315639	445533	1303718	428992	15	15	1, 2
72	XÃ BÙ ĐĂNG	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	1310171	448022	1305258	444983	5	5	1
600	1 Sông Đa Gueui	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	1300332	436636	1303719	428990	5	5	1
602	3 Sông Đắc R' Láp	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	1312963	444992	1307868	441722	15	15	1, 2
603	4 Sông Đắc Thiam	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	1302248	448350	1298495	437544	5	5	1
73	XÃ ĐẮK NHAU	TP Đồng Nai	Xã Đăk Nhau	1327836	452715	1330140	443472	15	15	1, 2
604	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Đăk Nhau	1325050	451268	1316908	447254	5	5	1
606	3 Sông Đắc Liar	TP Đồng Nai	Xã Đăk Nhau	1323993	442358	1321369	438987	5	5	1
607	4 Sông Đắc Liên	TP Đồng Nai	Xã Đăk Nhau	1325676	449561	1326631	435218	5	5	1

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước	
				Toạ độ điểm đầu	Toạ độ điểm cuối						
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải		
608	5	Sông Đắc Nhao	TP Đồng Nai	Xã Đắc Nhau	1325048	447040	1317956	442534	5	5	1
609	6	Sông Đắc R' Lấp	TP Đồng Nai	Xã Đắc Nhau	1316911	447243	1315758	445347	15	15	1, 2
74 XÃ NGHĨA TRUNG											
610	1	Sông Đắc Pan Ton	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1294592	630893	1299364	429967	5	5	1
611	2	Sông Đắc Ooure	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1300468	436442	1301178	430139	5	5	1
612	3	Sông Đắc R' Lấp	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1303850	428815	1299394	429938	5	5	1
613	4	Sông Đắc Thiam	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1298612	437351	1301165	445681	5	5	1
614	5	Sông Đắc To Van	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1295041	434552	1297004	437735	5	5	1
615	6	Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	1290173	430773	1293183	430274	5	5	1
75 XÃ PHƯỚC SƠN											
616	1	Sông Da Ko	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1285099	446019	1286067	449616	5	5	1
617	2	Sông Da R' Lou	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1301032	449199	1294200	448972	5	5	1
618	3	Suối Đập Lúa	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1276879	437353	1273662	439520	5	5	1
619	4	Sông Đắc Pan Ton	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1280686	433992	1288812	434188	5	5	1
620	5	Sông Đắc Thiam	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1301165	445681	1298577	437387	5	5	1
621	6	Sông Đắc To Van	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1286989	436991	1290423	435937	5	5	1
622	7	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1298192	451082	1277651	453402	(*)	15	1, 2
623	8	Sông Mã Đà	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1279633	433579	1271889	432484	5	5	1
624	9	Suối Da Sét	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1280991	439099	1284991	446200	5	5	1
625	10	Suối Đồng Sắt	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1279708	436021	1274917	446241	5	5	1
626	11	Suối Nam	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	1277197	436925	1273024	437372	5	5	1
76 XÃ THỌ SƠN											
627	1	Sông Da Dang	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1308221	458106	1301936	457014	5	5	1
628	2	Sông Da Mlô	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1312469	460763	1300831	457907	5	5	1
629	3	Sông Da R' Lou	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1309677	457353	1303112	448999	5	5	1
630	4	Sông Da R' Lou	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1312314	458578	1309677	457353	5	5	1
631	5	Sông Đa Gueui	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1314890	452248	1310928	448394	5	5	1
632	6	Sông Đắc B' Lấp	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1324711	455830	1320257	456718	(*)	5	1
633	7	Sông Đắc Houm	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1324934	451463	1316771	447447	5	5	1
634	8	Sông Đắc Kar	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1314568	461066	1305715	462637	(*)	5	1
635	9	Sông Đắc Ooure	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1313141	454954	1314916	460264	5	5	1
636	10	Sông Đắc R' Keh	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1305710	462653	1301330	460665	(*)	5	1
637	11	Sông Đắc R' Lấp	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1320254	456720	1312969	444986	5	(*)	1
638	12	Sông Đắc Ru	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1314584	461062	1311684	464455	5	5	1
639	13	Sông Đồng Nai	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	1301326	460667	1298194	451098	(*)	15	1, 2

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' mũi chiếu 3 ^o)					Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước		
									Bờ trái			Bờ phải	
TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	X	Y						
77	PHƯỜNG ĐỒNG PHÚ												
640	1 Rạch Bé	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1257684	407630	1254292	407062	20	20	20	1, 2		
641	2 Suối Giai	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1269017	403104	1266486	401883	20	20	20	1, 2		
642	3 Suối Khe Đá	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1266182	407798	1262037	405737	10	10	10	1		
643	4 Suối Nước Trong	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1267856	400222	1266083	396400	10	10	10	1		
644	5 Suối Rạt	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1268482	406941	1250602	404296	10	10	10	1		
645	6 Suối Sa Lác	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	1258563	405647	1254485	403026	10	10	10	1		
78	XÃ ĐỒNG TÂM												
646	1 Rạch Bé	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1274549	420040	1273267	416871	15	15	15	1, 2		
647	2 Sông Bà Năng	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1274639	427499	1280348	430370	5	5	5	1		
648	3 Sông Đa Tò	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1277802	420302	1275627	412287	5	5	5	1		
649	4 Sông Mã Đà	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1279719	433345	1271662	432158	30	30	30	1, 2, 3		
650	5 Suối Bình	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1279202	416438	1275729	413992	5	5	5	1		
651	6 Suối Rạc	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1284964	425529	1282146	416130	15	15	15	1, 2		
652	7 Suối Rạt	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	1285992	420496	1279804	409751	5	5	5	1		
79	XÃ TÂN LỢI												
653	1 Rạch Bé	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1266073	413535	1263413	410659	15	15	15	1, 2		
654	2 Sông Bà Năng	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1274757	427249	1267372	426851	5	5	5	1		
655	3 Sông Mã Đà	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1271662	432157	1253454	415830	30	30	30	1, 2, 3		
656	4 Suối Khe Đá	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1266182	407798	1264790	407591	5	5	5	1		
657	5 Suối Nhung	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1272984	420831	1260125	424055	5	5	5	1		
658	6 Suối Rạc	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1272852	410552	1268482	406941	15	15	15	1, 2		
659	7 Suối Rùa	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	1268059	425685	1266264	425659	5	5	5	1		
80	XÃ THUẬN LỢI												
660	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1283519	393677	1278136	393728	15	15	15	1, 2		
661	2 Suối Bàng	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1289161	412699	1283834	414735	5	5	5	1		
662	3 Suối Can	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1281595	405450	1279492	405713	5	5	5	1		
663	4 Suối Lam	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1284055	405124	1288105	403991	5	5	5	1		
664	5 Suối Nùm	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1282430	404896	1278136	393728	5	5	5	1		
665	6 Suối Nùng	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1278466	402186	1277494	399536	5	5	5	1		
666	7 Suối Rạt	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1283835	414734	1279804	409751	5	5	5	1		
667	8 Suối Đá	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1288004	410642	1286340	408060	5	5	5	1		
668	9 Suối Đá 2	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1285275	400672	1286428	399200	5	5	5	1		
669	10 Suối Bui	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1283050	409878	1281379	410835	5	5	5	1		

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45' múi chiếu 3 ^o)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
		TP Đồng Nai	Phường/xã	X	Y	X	Y	Bờ trái	Bờ phải	
670	11 Suối Con	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1283237	406824	1286717	405223	5	5	1
671	12 Suối Ra	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	1283922	402481	1281489	399080	5	5	1
81 PHƯỜNG LỘC NINH										
672	1 Rạch Trou	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	1311585	373372	1305637	375798	10	10	1
673	2 Sông Brô Sinh	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	1311182	377034	1310104	384029	10	10	1
674	3 Suối Cheng Roai	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	1310629	378395	1306747	378768	10	10	1
675	4 Suối Priet	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	1306170	373914	1303270	374190	10	10	1
82 XÃ LỘC HƯNG										
676	1 Rạch Trou (Suối Cầu Đò)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1305637	375798	1300064	374994	5	5	1
677	2 Suối Bù Dinh	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1306460	384897	1302392	385445	15	15	1,2
678	3 Suối Cham Keng (Suối Nhà Ông Vàng)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1307855	371687	1300573	368133	15	15	1,2
679	4 Suối Cheng Roai (Suối Sóc Măng Rô)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1306747	378768	1305591	377173	5	5	1
680	5 Suối Mon Hồng (Suối Lạnh)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1301179	381793	1298220	376144	15	15	1,2
681	6 Suối Một	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1307113	371917	1300523	370304	5	5	1
682	7 Suối Priet (Suối Cầu Một)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	1302183	374427	1300192	372723	5	5	1
83 XÃ LỘC QUANG										
683	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Lộc Quang	1313948	390613	1307677	392307	15	15	1,2
684	2 Sông Brô Sinh	TP Đồng Nai	Xã Lộc Quang	1312199	379731	1312853	390967	5	5	1
685	3 Suối Ber Ka Ne	TP Đồng Nai	Xã Lộc Quang	1315321	388549	1313948	390613	5	5	1
84 XÃ LỘC TÂN										
686	1 Rạch Trou	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tân	1315041	375541	1313260	360478	5	5	1
687	2 Sông Brô Sinh	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tân	1311183	377034	1312217	379664	5	5	1
688	3 Sông Sài Gòn	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tân	1313260	360478	1307924	357907	15	15	1,2
689	4 Sông Tôn Lê Châm (Sông Sài Gòn)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tân	1315017	375527	1307955	357915	15	(*)	1,2
690	5 Suối K'Lieu	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tân	1309198	370121	1308810	370016	30	30	1,2,4
85 XÃ LỘC THÀNH										
691	1 Rạch Trou	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1298587	374449	1293280	360663	5	5	1
692	2 Sông Prêk Kéa	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1304472	358818	1294640	357102	5	5	1
693	3 Sông Sài Gòn (Sông Tôn Lê Châm)	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1307949	357917	1289506	358644	15	(*)	1,2
694	4 Suối Cham Keng	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1307955	371652	1297501	368246	30	30	1,2,4
695	5 Suối Khéy	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1305269	363109	1293214	360678	5	5	1
696	6 Suối K'Lieu	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1308895	370098	1301200	368416	30	30	1,2,4
697	7 Suối M'Lou	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1307652	365420	1301201	368448	30	30	1,2,4
698	8 Suối Một	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	1300520	370304	1297884	368738	30	30	1,2,4

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Tọa độ địa lý (VN 2000, kinh tuyến trực 107° 45' múi chiều 3°)				Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)		Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước
				Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Bờ trái	Bờ phải	
				X	Y	X	Y			
		TP Đồng Nai		Phường/xã						
726	1 Suối Cát	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	1291149	378704	1294376	386864	15	15	1, 2
727	2 Suối Nghiên	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	1288943	381059	1279446	389588	15	15	1, 2
728	3 Suối Xa Cát	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	1283624	376562	1272689	381484	15	15	1, 2
93	PHƯỜNG CHON THÀNH									
729	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1263392	387729	1260632	385676	(*)	20	1, 2
730	2 Suối Bàu Bàng	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1263391	3377601	1262053	377964	10	10	1
731	3 Suối Bến Đình (Suối Cầu)	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1262889	374261	1262034	377402	20	20	1, 2
732	4 Suối Ngang	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1266485	381307	1261128	385168	20	20	1, 2
733	5 Suối Ông Thành (suối Xóm Hồ)	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1261997	372230	1258248	371517	20	20	1, 2
734	6 Suối Sa Cát	TP Đồng Nai	Phường Chon Thành	1274641	386703	1263339	387677	20	20	1, 2
94	PHƯỜNG MINH HƯNG									
735	1 Suối Sa Cát	TP Đồng Nai	Phường Minh Hưng	1273777	380708	1271946	381513	20	20	1, 2
736	2 Sông Thị Tinh (Suối Bà Và)	TP Đồng Nai	Phường Minh Hưng	1269330	373206	1259497	367847	20	(*)	1, 2
737	3 Suối Ông Thành (Suối Xóm Hồ)	TP Đồng Nai	Phường Minh Hưng	1258248	371517	1259497	367847	(*)	20	1, 2
738	4 Suối Tàu Ô	TP Đồng Nai	Phường Minh Hưng	1273270	376434	1273777	380708	20	20	1, 2
739	5 Suối Tà Mông (Suối Lạnh)	TP Đồng Nai	Phường Minh Hưng	1273291	371723	1270258	369644	20	20	1, 2
95	XÃ NHA BÍCH									
740	1 Sông Bé	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1269737	392819	1263392	387729	(*)	15	1, 2
741	2 Suối Đông	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1277558	388555	1268701	386791	15	15	1, 2
742	3 Suối Nghiên	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1281377	388082	1275985	392002	15	15	1, 2
743	4 Suối Sa Cát	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1271946	381513	1274641	386703	15	15	1, 2
744	5 Suối Xa Nách	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1275841	383111	1272846	381648	15	15	1, 2
745	6 Suối Zu	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1283074	389990	1282629	392650	15	15	1, 2
746	7 Suối Ngang	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1266850	385428	1266691	387173	15	15	1, 2
747	8 Suối Dung	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích	1275206	385781	1269732	386293	15	15	1, 2

(*) Sông liên tỉnh, xuyên biên giới; Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước áp dụng của tỉnh, thành và quốc gia lân cận.

Ghi chú: Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước:

1. Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm ven nguồn nước;
2. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;
3. Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;
4. Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NGUỒN NƯỚC, PHẠM VI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI HỒ, AO, ĐÀM, PHÁ
(Báo hành kèm theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành lang bảo vệ	Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước dâng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
1	Hồ Biên Hùng	TP Đồng Nai	Phường Trăn Biên	4,69807	10	1	UBND phường Trăn Biên
2	Hồ 1	TP Đồng Nai	Phường Trăn Biên	2,62185	10	1	UBND phường Trăn Biên
3	Hồ Long Vân	TP Đồng Nai	Phường Trăn Biên	7,37	30	1, 4	Công ty TNHH Một thành viên Dầu tư Phát triển Bùn Long
4	Hồ Tân Hạnh (mỏ đá Tân Hạnh)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	35,40	10	1	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố
5	Hồ Bình Hòa (mỏ đá Bình Hòa)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	27,90	10	1	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố
6	Hồ Hoà An (mỏ đá Hòa An)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	18,80	10	1	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố
7	Hồ Tân Bàn (mỏ đá Tân Bàn)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	21,20	10	1	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố
8	Hồ Tân Vân (mỏ đá Tân Vân)	TP Đồng Nai	Phường Biên Hòa	18,90	10	1	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố
9	Hồ Bà Long	TP Đồng Nai	Phường Hố Nai	12,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÃ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
10	Hồ Thanh Niên	TP Đồng Nai	Phường Hố Nai	8,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÃ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
11	Hồ Bà Hào	TP Đồng Nai	Phường Trĩ An	152,20	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÃ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai
12	Hồ Mỏ Nang	TP Đồng Nai	Xã Tân An	397,10	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
13	Bàu 17	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	6,7289	10	1	UBND xã Bàu Hàm
14	Hồ Suối Đầm	TP Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	64,3388	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	UBND xã Bàu Hàm

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
15	Hồ Sông Máy	TP Đồng Nai	Xã Bình Minh	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	269,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
16	Hồ Lộc An	TP Đồng Nai	Phường Long Thành	Cấp nước; phòng, chống ngập ứng	35,49	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
17	Hồ Cầu Mới tuyến V	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đường	Cấp nước	177,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
18	Hồ Cầu Mới tuyến VI	TP Đồng Nai	Xã Long Phước Xã Xuân Đường	Cấp nước	274,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
19	Hồ Bầu Mớn	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	20,00	10	1	Đất thuộc sở hữu của nhiều cá nhân
20	Hồ Cầu Dầu	TP Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	Cấp nước	107,34	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
21	Hồ Suối Tre 1	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	Cấp nước	11,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
22	Hồ Suối Tre 2	TP Đồng Nai	Phường Bình Lộc	Cấp nước	28,10	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
23	Hồ Gia Ui	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	245,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
24	Hồ 2 (áp 1)	TP Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	2,00	10	1	UBND xã Xuân Hòa

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước dâng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
25	Hồ Núi Le	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	Cấp nước	102,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
26	Hồ Gia Măng	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	Cấp nước	130,553	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
27	Hồ Thủy Lợi Xuân Thọ	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	Cấp nước	12,64	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1	UBND phường Xuân Lộc
28	Hồ nông trường Thọ Lộc	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	Cấp nước	7,854	10	1	UBND phường Xuân Lộc
29	Hồ Khu 2, Thọ Lộc	TP Đồng Nai	Phường Xuân Lộc	Cấp nước	10,909	10	1	UBND phường Xuân Lộc
30	Hồ Suối Vọng	TP Đồng Nai	Xã Xuân Định	Cấp nước	24,24	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
31	Hồ Sông Ray (**)	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	Điều hòa; cấp nước; phòng, chống ngập úng	548,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
32	Hồ Giao Thông	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	Cấp nước	23,71	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
33	Hồ Suối Dôi	TP Đồng Nai	Xã Sông Ray	Cấp nước	24,99	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
34	Hồ Suối Ran	TP Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Cấp nước	75,90	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
35	Hồ Lục Tranh	TP Đồng Nai	Xã Xuân Phú	Cấp nước	4,87	10	1	UBND xã Xuân Phú
36	Bầu Nước Sỏi	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	Cấp nước; Phòng chống ngập úng; Tạo cảnh quan, môi trường	2,80	30	1, 2, 3	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
37	Hồ Cà Ròn	TP Đồng Nai	Xã Định Quán	Cấp nước	152,20	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
38	Bàu Ngựa (thỏ Ngựa)	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú Xã Phú Hòa	Cấp nước	199,50	10	1	UBND xã Phú Hòa

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
39	Hồ Đa Tôn	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Cấp nước	350,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC)	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
40	Bàu Máy	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Cấp nước	4,15	10	1	UBND xã Phú Lâm
41	Bàu Cây Đa	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Cấp nước	3,60	10	1	UBND xã Phú Lâm
42	Bàu Máy	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	26,92	10	1	UBND phường Tân Phú
43	Bàu Mìn (áp Bàu Máy)	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	52,00	10	1	UBND phường Tân Phú
44	Bàu Mìn (áp 6 Trà Cỏ)	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	46,00	10	1	UBND phường Tân Phú
45	Bàu Bèo	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	36,90	10	1	UBND phường Tân Phú
46	Bàu Sân Bay	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	27,22	10	1	UBND phường Tân Phú
47	Bàu Xấp Xinh	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	50,79	10	1	UBND phường Tân Phú
48	Bàu Sấu	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	21,64	30	1, 2, 3	UBND phường Tân Phú
49	Hồ Vàm Hố	TP Đồng Nai	Xã Tà Lài	Cấp nước	10,00	10	1	UBND xã Tà Lài
50	Hồ Trị An	TP Đồng Nai	Phường Trị An Xã Phú Lý Xã Thanh Sơn Xã La Ngà Xã Định Quán Xã Thống Nhất Xã Bàu Hàm	Điều hòa; Cấp nước (*); Phòng, chống ngập úng; Tảo cảnh quan, môi trường; Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học	32.340,0	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC	1, 2, 3, 4	Công ty Thủy điện Trị An
51	Hồ thủy điện Phú Tân 2	TP Đồng Nai	Xã Thanh Sơn Xã Phú Vinh Xã Định Quán	Điều hòa; Cấp nước	74,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ ĐÁ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC	1	Công ty Cổ phần ANI Power
52	Bàu Đồng Thê	TP Đồng Nai	Phường Bình Phước	Điều hòa; Phòng, chống ngập úng	27,00	10	1	UBND phường Bình Phước
53	Hồ Tân Lợi	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	Cấp nước	107,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
54	Hồ Suối Bình	TP Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	Cấp nước	41,32	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
55	Hồ Tân Hòa	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	Cấp nước	77,60	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
56	Hồ Tân Hưng	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	Cấp nước	16,20	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
57	Hồ Suối Giai	TP Đồng Nai	Phường Đồng Phú	Cấp nước	420,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
58	Hồ Sa Cát	TP Đồng Nai	Phường Bình Long	Cấp nước	41,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
59	Hồ Suối Lấp	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai	Cấp nước	26,58	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
60	Hồ Suối Ông	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai	Cấp nước	11,68	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
61	Hồ Bầu Úm	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai	Cấp nước	47,50	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
62	Hồ An Khương	TP Đồng Nai	Xã Tân Hưng	Cấp nước	58,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
63	Hồ Ba Veng	TP Đồng Nai	Xã Minh Đức	Cấp nước	42,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
64	Hồ Bù Nâu	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	Cấp nước	53,40	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
65	Hồ Lộc Quang	TP Đồng Nai	Xã Lộc Quang	Cấp nước	152,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
66	Hồ Lộc Thanh	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thanh	Cấp nước	50,09	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
67	Hồ Rừng Cẩm	TP Đồng Nai	Xã Lộc Tấn	Cấp nước	44,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
68	Hồ Tà Thiết	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Cấp nước	51,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
69	Hồ Tà Te	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Cấp nước	10,90	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
70	Hồ Bầu Thôn	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Cấp nước	22,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
71	Hồ NT8	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Cấp nước	35,89	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
72	Hồ Công ty Vedan	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	Cấp nước	10,50	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty Cổ phần Hưu hạn Vedan Việt Nam
73	Hồ Bầu Sen	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Cấp nước	11,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
74	Hồ NT6	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	Cấp nước	91,65	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
75	Hồ NT4	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Cấp nước	65,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
76	Hồ NT9	TP Đồng Nai	Xã Long Hà	Cấp nước	73,35	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
77	Hồ NT10 (Hồ Suối Dền)	TP Đồng Nai	Xã Phú Riềng Xã Thuận Lợi	Cấp nước	14,81	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
78	Hồ Đăk Tol	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	Cấp nước	18,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1,2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
79	Hồ Đ.7 NT2	TP Đồng Nai	Xã Đa Kía	Cấp nước	60,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
80	Hồ Bình Hà 1	TP Đồng Nai	Xã Đa Kía	Cấp nước	23,50	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
81	Hồ Đa Bo	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	14,00	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
82	Hồ Bra Măng	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước	17,20	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
83	Hồ Hưng Phú	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước	28,84	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
84	Hồ thôn 6, xã Đoàn Kết	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	7,20	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1	UBND xã Bù Đăng
85	Hồ Minh Tâm	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	4,3767	10	1	UBND xã Bù Đăng
86	Hồ Ông Thoại	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Cấp nước	52,50	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
87	Hồ Thọ Sơn	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	18,50	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
88	Hồ Sơn Lợi	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	18,34	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
89	Hồ thủy điện Đăk Kar (**)	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	113,12	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ ĐẢ THỰC HIỆN CẤM MỐC RANH BAO VỆ NGUỒN NƯỚC	1	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước dâng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
90	Hồ Cầu Tráng	TP Đồng Nai	Xã Lộc Quang	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	26,00	10	1, 2	Công ty Tuấn Phong (được UBND tỉnh Bình Phước cũ giao/cho thuê thực hiện dự án Khu du lịch Hồ Cầu Tráng)
91	Hồ Đaou2	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Cấp nước	24,23	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
92	Hồ Darana	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Cấp nước	31,38	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
93	Hồ Suối Lam	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	Cấp nước	35,00	10	1, 2	UBND xã Thuận Lợi
94	Hồ Thôn 6 Khắc Khoaan	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	49,42	Xác định theo mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
95	Bàu Ram	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	7,08	10	1	UBND xã Tân Quan
96	Bàu Non	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	14,07	10	1	UBND xã Tân Quan
97	Bàu Dich	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	8,06	10	1	UBND xã Tân Quan
98	Hồ Long Thủy	TP Đồng Nai	Phường Phước Long	Điều hòa; Phòng, chống ngập ứng	7,70	10	1	UBND phường Phước Long
99	Hồ thủy điện Bù Cà Mau	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	Điều hòa; Cấp nước	23,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam
100	Hồ thủy điện Srok Phu Miêng	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Điều hòa; Cấp nước	1.642,0	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO
101	Hồ thủy điện Thác Mơ	TP Đồng Nai	Phường Phước Long Xã Phú Nghĩa Xã Đak Nhau Xã Bom Bo Xã Bù Đăng Xã Phước Sơn Xã Nghĩa Trung Xã Phú Trung	Điều hòa; Cấp nước	10.670,0	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
102	Hồ thủy điện Đắk Glun	TP Đồng Nai	Xã Đắk Nhau Xã Bù Gia Mập	Điều hòa; Cấp nước	200,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
103	Hồ thủy điện Đắk Glun ₂	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập Xã Đắk Nhau	Điều hòa; Cấp nước	42,90	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân
104	Hồ thủy điện Đắk U	TP Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa Xã Đắk Ô	Điều hòa; Cấp nước	28,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U
105	Hồ thủy điện Cản Đơn	TP Đồng Nai	Xã Thiện Hưng Xã Phú Nghĩa Xã Đa Kía Xã Hưng Phước	Điều hòa; Cấp nước	1.902,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn
106	Hồ Phước Hòa (**)	TP Đồng Nai	Xã Nha Bích, phường Chơn Thành, Phường Đồng Xoài (thuộc thượng nguồn)	Điều hòa; Cấp nước; Phòng chống ngập úng; Tạo cảnh quan, môi trường	1.337,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi Miền Nam
107	Hồ Dầu Tiếng (**)	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai Xã Minh Đức (thuộc ven hồ)	Điều hòa; Cấp nước	27.000,00	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ	1	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi Miền Nam
108	Hồ Suối Đứt	TP Đồng Nai	Phường Tân Phú	Cấp nước	12,0834	10	1	UBND phường Tân Phú
109	Bàu Đa Kai	TP Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Cấp nước	2,60	10	1	UBND xã Phú Lâm

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
110	Hồ Công ty Đồng Thành	TP Đồng Nai	Phường Đồng Xoài	Điều hòa; Cấp nước; Phòng, chống ngập úng	4,30	10	1	Công ty Cổ phần Nước tổng Thủy Hải sản Đồng Thành
111	Hồ chứa nước PCCC rừng	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Cấp nước; Tạo cảnh quan, môi trường; Bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học	19,29	30	1, 4	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh
112	Hồ thủy lợi nhỏ Lộc Bình	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Cấp nước	2,365	10	1	UBND xã Lộc Thành
113	Hồ cảnh quan khu di tích Tà Thiết	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Tạo cảnh quan, môi trường; Bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học	6,00	30	1, 4	UBND xã Lộc Thành
114	Hồ 67	TP Đồng Nai	Xã Tân Lợi	Cấp nước	3,00	10	1	Hồ sơ giao cho tổ chức quản lý thuê đất
115	Hồ Trảng Cỏ	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Tạo cảnh quan, môi trường	13,60	10	1	Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đang
116	Hồ Phú Sơn	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	9,00	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
117	Hồ Sơn Hiệp	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước	8,50	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
118	Hồ Thọ Sơn B	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước; Phòng, chống ngập úng	2,20	10	1	UBND xã Thọ Sơn
119	Bàu Địa	TP Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Cấp nước; Phòng, chống ngập úng	2,00	10	1	UBND xã Thọ Sơn
120	Hồ Sen (hồ ấp 4)	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước	2,90	10	1	UBND xã Bù Đăng
121	Hồ 7 mẫu	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước	4,3455	10	1	UBND xã Bù Đăng
122	Hồ Bù Môn	TP Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Cấp nước	10,00	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
123	Hồ thủy điện Thống Nhất	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Điều hòa; Cấp nước	23,87	10	1	Công ty Cổ phần Thái Tuyên
124	Bàu Mít	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Cấp nước; Phòng, chống ngập úng	24,40	10	1	UBND xã Phước Sơn
125	Bàu Địa	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Cấp nước; Phòng, chống ngập úng	17,30	10	1	UBND xã Phước Sơn
126	Bàu Thôn 2	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Cấp nước	5,20	10	1	UBND xã Phước Sơn
127	Hồ Đa Bông Cua	TP Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Cấp nước	5,06	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
128	Hồ Suối Cam 1	TP Đồng Nai	Phường Bình Phước	Cấp nước	55,00	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
129	Hồ Suối Cam 2	TP Đồng Nai	Phường Bình Phước	Cấp nước	18,84	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
130	Hồ Bù Kal	TP Đồng Nai	Xã Tân Tiến	Cấp nước	20,50	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
131	Hồ Suối Nuy	TP Đồng Nai	Xã Lộc Thạnh	Cấp nước	18,81	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
132	Hồ M26	TP Đồng Nai	Xã Hưng Phước	Cấp nước	18,00	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
133	Hồ Bù Tam	TP Đồng Nai	Xã Hưng Phước	Cấp nước	58,82	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
134	Hồ chứa nước Nông trường cao su Nghĩa Trung	TP Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	2,00	10	1	UBND xã Nghĩa Trung
135	Hồ Sóc Xiêm	TP Đồng Nai	Xã Tân Hưng	Cấp nước	40,9496	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bình Long
136	Hồ Tàu Ô (hồ Sen Trắng)	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai	Điều hòa; Phòng, chống ngập ứng	2,11	10	1	UBND phường Tân Khai
137	Bàu Đồng Thon	TP Đồng Nai	Phường Tân Khai	Điều hòa	6,73	10	1	UBND phường Tân Khai
138	Hồ Suối Lai	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	32,50	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
139	Bàu Vàng	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	11,60	10	1	UBND xã Tân Quan
140	Bàu Sam	TP Đồng Nai	Xã Tân Quan	Cấp nước	2,15	10	1	UBND xã Tân Quan
141	Hồ Suối Rạt	TP Đồng Nai	Xã Phú Riêng	Cấp nước	7,71581	10	1, 2	UBND xã Phú Riêng
142	Hồ Đak Liên	TP Đồng Nai	Xã Đak Nhau	Cấp nước	16,75	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai
143	Hồ Bù Rén	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	3,10	10	1, 2	UBND Xã Bù Gia Mập
144	Hồ chứa nước Hoa Mai	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	Cấp nước; Tạo cảnh quan, môi trường; Bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học	2,23	30	1, 3	Vườn quốc gia Bù Gia Mập
145	Hồ chứa nước Đắc Côn 1	TP Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	Cấp nước; Tạo cảnh quan, môi trường; Bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học	2,358	30	1, 3	Vườn quốc gia Bù Gia Mập

STT	Tên nguồn nước	Phạm vi hành chính		Chức năng nguồn nước	Diện tích mặt nước đáng bình thường (ha)	Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (m)	Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước (*)	Đơn vị quản lý hồ
		TP Đồng Nai	Phường/Xã					
146	Hồ Bù Xía	TP Đồng Nai	Xã Đak O	Cấp nước	3,796	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy Lợi Đồng Nai
147	Hồ thôn 7	TP Đồng Nai	Xã Đak O	Cấp nước	11,00	10	1	UBND xã Đak O
148	Hồ thôn 3	TP Đồng Nai	Xã Đak O	Cấp nước	2,60	10	1	UBND xã Đak O
149	Bàu Năm Em	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	Cấp nước; Phòng, chống ngập ứng	20,00	10	1	UBND xã Thuận Lợi
150	Hồ Đồng Xoài	TP Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	Cấp nước	330,00	10	1, 2	Công ty TNHH Một thành viên Thủy Lợi Đồng Nai
151	Hồ Bù Ka	TP Đồng Nai	Xã Bình Tân	Cấp nước	10,10	10	1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy Lợi Đồng Nai
152	Hồ Đak Krat	TP Đồng Nai	Phường Phước Bình	Điều hòa; Phòng, chống ngập ứng	10,96	10	1	UBND phường Phước Bình
153	Hồ chứa nước 3A	TP Đồng Nai	Xã An Phước	Điều hòa; Phòng, chống ngập ứng	2,00	10	1	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã An Phước
154	Hồ mỏ đá Hang Nai	TP Đồng Nai	Xã Phước An	Điều hòa; Tạo cảnh quan, môi trường	10,40	10	1	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
155	Hồ ấp 4	TP Đồng Nai	Phường Lộc Ninh	Cấp nước	3,90	10	1	UBND phường Lộc Ninh
156	Hồ D.8 NT2	TP Đồng Nai	Xã Đa Kía	Cấp nước	9,50	10	1	UBND xã Đa Kía

Ghi chú:

(*) Chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước, gồm:

1. Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm ven nguồn nước;
2. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;
3. Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;
4. Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.

(**) Hồ liên tỉnh.